

Bản án số: 1464/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Tấn Độ;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:* ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 428/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 497/2024/QĐST-DS ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn N M T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: tyy ấp B, xã H, huyện L, tỉnh V; Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm T K D, sinh năm 19xx hoặc bà Nguyễn N V K, sinh năm 19xx; Cùng địa chỉ: tyy ấp B, xã H, huyện L, tỉnh V (Giấy ủy quyền ngày 06/5/20xx tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Đ H, Thành phố H) (bà Phạm Thị Kiều Dung có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T; Địa chỉ: số B đường H, phường B, quận B, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đ T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số www đường H, Phường ee, quận T, Thành phố H (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 02/4/2022 bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T đã ký Hợp đồng vay vốn số 01/2022/T, nội dung:

- Bà Nguyễn N M T cho Công ty Cổ phần T vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 02/4/20xx đến ngày 02/4/20xx; tiền lãi: 700.000 đồng/tháng (tương đương với lãi suất 01%/tháng, 12%/năm), nhận lãi vào ngày 02 hàng tháng, số tiền hoàn vốn khi đáo hạn hợp đồng là 70.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng:

- Ngày 02/4/2022 bà Nguyễn N M T đã chuyển vào tài khoản số 060270319xxx tại Ngân hàng S – Chi nhánh Quận R của Công ty Cổ phần T số tiền 70.000.000 đồng.

- Ông Trần Đ T (người đại diện theo pháp luật của bị đơn) đã chuyển tiền cho bà Nguyễn N M T 09 lần vào các ngày 11/5/20xx, 02/6/20xx, 02/7/20xx, 02/8/20xx, 04/9/20xx, 02/10/20xx, 03/11/20xx, 03/12/20xx và 07/01/20xx, mỗi lần chuyển số tiền 700.000 đồng, được tổng số tiền là 6.300.000 đồng. Bà Nguyễn N M T xác nhận đây là số tiền lãi mà Công ty Cổ phần T trả hàng tháng theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần T không trả tiền lãi từ tháng 02/20xx cho đến nay và cũng không thực hiện hoàn vốn vào ngày 02/4/20xx cho bà Nguyễn N M T như thỏa thuận.

Nay bà Nguyễn Ngọc Minh Thy yêu cầu: Công ty Cổ phần THUVATO trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/01/2023 đến ngày 07/3/20xx là 1.400.000 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn N M T không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn là Công ty Cổ phần T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Nguyễn N M T xác nhận chưa đăng kết hôn với ai nên số tiền 70.000.000 đồng đã cho Công ty Cổ phần T đã vay là tài sản riêng của bà Nguyễn N M T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Tòa án có tiền hành xác minh thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tiến hành gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Bình

Tân để kịp thời nghiên cứu tham gia phiên tòa là tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn có địa chỉ và cư trú tại quận B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử, tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt hoặc niêm yết cho đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy Công ty Cổ phần T đã vay của bà Nguyễn N M T 70.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo luật định.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do là đã từ chối quyền, nghĩa vụ chứng minh, phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp được xem như tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn N M T, buộc Công ty Cổ phần T trả cho bà Nguyễn N M T số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T là tranh chấp dân sự vay tài sản phát sinh từ Hợp đồng vay vốn số 01/2022/T ngày 02/4/20xx.

[1. 2] Bị đơn có địa chỉ tại số B đường H, phường B, quận B, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Tân giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Công ty Cổ phần T là bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm giao dịch vay tài sản, bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên giao dịch vay tài sản nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3. 2] Bị đơn là Công ty Cổ phần T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3. 3] Xét yêu cầu đòi nợ gốc 70.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Hợp đồng vay vốn số 01/2022/T ngày 02/4/20xx giữa bà Nguyễn Ngọc Minh Thy và Công ty Cổ phần T; Sao kê tài khoản số 0181003559xxx tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N của bà Nguyễn N M T thấy rằng: Ngày 02/4/20xx bà Nguyễn N M T đã chuyển 70.000.000 đồng đến tài khoản số 060270319xxx của Công ty Cổ phần T tại Ngân hàng S có nội dung: *“M T _ 01/2022/T.CT tu 0181003559xxx NGUYEN N M T toi 060270319xxx CONG TY CO PHAN T (S) Sai Gon thuong tin”* và hàng tháng (từ tháng 5/20xx đến tháng 01/20xx) ông Trần Đ T (người đại diện theo pháp luật của bị đơn) đã chuyển 700.000 đồng đến tài khoản của bà Nguyễn N M T. Bà Nguyễn N M T xác nhận đây là số tiền lãi mà Công ty Cổ phần T trả hàng tháng theo thỏa thuận. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T có quan hệ vay mượn tiền.

Xét thấy, hợp đồng vay vốn giữa bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T đến nay đã đến hạn trả nợ gốc nhưng Công ty Cổ phần T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn N M T về việc buộc Công ty Cổ phần T trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng.

[3. 4] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét thấy, tại hợp đồng vay vốn ngày 02/4/20xx hai bên có thỏa thuận về tiền lãi là 700.000 đồng/tháng (tương đương với lãi suất 01%/tháng, 12%/năm). Như vậy, hợp đồng vay vốn giữa bà Nguyễn N M T và Công ty Cổ phần T là có thời hạn và có lãi, lãi suất mà hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ tháng 01/20xx cho đến nay, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 08/01/20xx đến ngày 07/3/20xx là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5. 1] Bà Nguyễn N M T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5. 2] Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn N M T đối với Công ty Cổ phần T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Công ty Cổ phần T phải trả cho bà Nguyễn N M T các khoản sau đây của Hợp đồng vay vốn số 01/2022/T ngày 02/4/20xx:

- + Nợ gốc là: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng;
- + Tiền lãi là: 1.400.000 (một triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hoàn lại cho bà Nguyễn N M T số tiền tạm ứng án phí là 1.785.000 (một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011192 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty Cổ phần T phải nộp số tiền 3.570.000 (ba triệu, năm trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên